ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG *Mẫu biểu số 75*
MÃ QHNS: 1134361

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 3 THÁNG (THÁNG 1- THÁNG 3) NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chgi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTT ngày 25/3/2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Văn phòng Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng Công khai tình hình thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 3 tháng (Từ tháng 1 đến tháng 3) năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện 3 tháng so với cùng kỳ năm trước (Tỷ lệ %)
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	-			
I	**Số thu phí, lệ phí**				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
III	**Số phí, lệ, phí nộp ngân sách nhà nước**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**279,255,398,361**	**56,564,434,555**	**20.3**	**84.63**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**279,255,398,361**	**56,564,434,555**	**20.3**	**84.63**
1	**Chi quản lý hành chính**	**82,061,526,361**	**20,672,189,095**	**25.2**	**364.42**
a	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	30,772,861,961	7,847,295,831	25.5	141.16
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	51,288,664,400	12,824,893,264	25.0	11,289.52
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	-	-		-
a	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
b	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
c	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	-	-		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**104,685,470,000**	**35,550,734,460**	**33.96**	-
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	104,685,470,000	35,550,734,460	33.96	-
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**83,370,000,000**	**341,511,000**	**0.41**	**0.56**
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				-
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	83,370,000,000	341,511,000	0.41	0.56
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**9,138,402,000**	-	**0**	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9,138,402,000		**0**	
...					
II	**Nguồn vốn viện trợ**				

Hải phòng, ngày 09 tháng 4 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Sái Thị Yến